

Bản án số: 459/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-9-2020  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Mỹ Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Nhật Chương.
2. Bà Đàm Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trà Thị Thúy Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hoan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 Đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Đường P, Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 19/9/2019 gửi đến Tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Trần Văn C trình bày:

Ông C và bà Nguyễn Thị Tuyết H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 210 ngày 03/12/2008. Đến cuối năm 2017, bà H mượn nợ bên ngoài không có khả năng chi trả, sau đó bà H bỏ ông và con gái về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Do vậy, ông C yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 10 giải quyết cho ông ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông C và bà H có 01 con chung, trẻ Trần Nguyễn Trúc L, sinh ngày 16/8/2010. Ông C yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trúc L.

Về cấp dưỡng: Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C khai không có.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Tuyết H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai tại Tòa án.

Trẻ Trần Nguyễn Trúc L có trình bày nguyện vọng: Trẻ mong muốn được ở với ông C.

Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 10 xác minh tình trạng hôn nhân của ông C và bà H như sau: Phường không có giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn về hôn nhân gia đình giữa ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Tuyết H, do đó Phường không nắm được thông tin mâu thuẫn của đôi bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông C yêu cầu được ly hôn là tranh chấp quan hệ về hôn nhân và gia đình, bị đơn – bà Nguyễn Thị Tuyết H có nơi cư trú tại Phường 13, Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn - ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 210 ngày 03/12/2008, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Qua phần trình bày của ông C, Hội đồng xét xử xét việc bà H bỏ nhà đi cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C và bà H trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bà H không đến Tòa án để trình bày quan điểm của bà đối với yêu cầu ly hôn của ông C, cũng như đưa ra các chứng cứ chứng minh khác phản bác ý kiến của ông C. Qua đó nhận thấy bà H không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ hôn nhân với

ông C và quan tâm đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Xét vì mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại nên yêu cầu ly hôn của ông C được chấp nhận.

[5] Về con chung: Ông C và bà H có 01 con chung, trẻ Trần Nguyễn Trúc L, sinh ngày 16/8/2010. Trẻ Trần Nguyễn Trúc L hiện ở cùng với ông C, có trình bày nguyện vọng muốn ở với ông C nên Hội đồng xét xử chấp nhận ông C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Trúc L.

[6] Về cấp dưỡng: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết H.

- Về con chung: Ông C và bà H có 01 con chung, trẻ Trần Nguyễn Trúc L, sinh ngày 16/8/2010. Giao trẻ Trần Nguyễn Trúc L cho ông C người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông C.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông C chịu. Ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017899 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- UBND Phường 1, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Mỹ Phương**